

Số/Ref No.: 1421/2022/CV-SSIHO

V/v: Công bố các Nghị quyết HĐQT thông qua việc cập nhật Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và chào bán chứng quyền có bảo đảm năm 2023
Ref: *Disclosing the Resolution of the Board on updating the Enterprise Registration Certificate of the Company and approval of the 2023 covered warrant offering*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2022
Ho Chi Minh City, November 04, 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**
Organization name **SSI SECURITIES CORPORATION**
- Mã chứng khoán: SSI
Securities Symbol SSI
- Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Address 72 Nguyen Hue, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC
- Điện thoại liên hệ: 028-38242897
Telephone 028-38242897
- Email: congbothongtin@ssi.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure:*

2.1. Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐQT ngày 03/11/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI thông qua việc cập nhật Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Vốn điều lệ mới.

Resolution No. 18/2022/NQ-HĐQT dated November 03, 2022 of SSI's Board of Directors ("BOD") on approval of updating the Enterprise Registration Certificate of the Company according to new charter capital.

2.2. Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐQT ngày 03/11/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm năm 2023.

Resolution No. 19/2022/NQ-HĐQT dated November 03, 2022 of SSI's Board of Directors ("BOD") on approval of the 2023 covered warrant offering.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 04/11/2022 tại đường dẫn www.ssi.com.vn.

This information was posted on SSI website on November 04, 2022 at this link www.ssi.com.vn.



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

The Company hereby declares to be responsible for the accuracy and completeness of the above information.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐQT và Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐQT ngày 03/11/2022
Resolution No. 18/2022/NQ-HĐQT and Resolution No. 19/2022/NQ-HĐQT dated November 03, 2022

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền công bố thông tin
Party authorized to disclose information



Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính
Chief Financial Officer





Số/Ref: 18/2022/NQ-HDQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2022
Ho Chi Minh City, November 03, 2022

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
RESOLUTION OF THE BOARD OF DIRECTORS**

V/v thông qua việc cập nhật Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp theo Vốn điều lệ mới
**Re: Approval on updating the SSI's Enterprise Registration Certificate
according to new charter capital**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
THE BOARD OF DIRECTORS OF
SSI SECURITIES CORPORATION**

Căn cứ:

Pursuant to

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
The Charter of SSI Securities Corporation
- Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/5/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Nghị quyết 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ")
Resolution No. 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ dated May 22, 2021 of the Annual General Meeting of Shareholders of SSI Securities Corporation ("Resolution 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ")
- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 84/GPĐC-UBCK ngày 05/9/2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ("Giấy phép số 84/GPĐC-UBCK")
- *License No. 84/GPĐC-UBCK dated September 05, 2022 issued by the State Securities Commission, which amending the License on establishment and operation ("License No. 84/GPĐC-UBCK")*
- Biên bản tổng hợp ý kiến của Hội đồng quản trị ngày 03/11/2022;
Meeting Minutes of the Board of Directors on November 03, 2022

**QUYẾT NGHỊ
RESOLVED THAT**

Điều 1: Thông qua việc cập nhật Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 84/GPĐC-UBCK về việc thay đổi vốn điều lệ như sau:

Article 1: *To approve an update on SSI's Enterprise Registration Certificate with Department of Planning and Investment in Ho Chi Minh City pursuant to License No. 84/GPĐC-UBCK on changing the charter capital as follows*

- Vốn điều lệ đã đăng ký: **9.947.500.220.000 đồng**
Formerly registered charter capital: VND 9,947,500,220,000
- Vốn điều lệ sau khi thay đổi: **14.911.301.370.000 đồng**
Newly registered charter capital: VND 14,911,301,370,000

Hình thức tăng vốn: Công ty hoàn tất việc phát hành 496.380.115 cổ phiếu theo phương chào bán cổ phiếu ra công chúng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số 84/GPĐC-UBCK ghi nhận tăng vốn điều lệ tương ứng.



Method to increase charter capital: The Company issued 496,380,115 shares under the Plan on public offering and the new charter capital was approved by the State Securities Commission with the amended License No. 84/GPĐC-UBCK.

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Giao Người Đại diện theo pháp luật tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện Nghị quyết này.

Article 2: This Resolution comes into effect from signing date. The Legal representative of the Company is responsible for implementation of this Resolution.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS**

**Chủ tịch
Chairman**

Nơi nhận: / Recipients:

- Theo Điều 2; / As Article 2;
- HĐĐT; / IC;
- Lưu. / Archives.



[Handwritten signature]

Nguyễn Duy Hưng





Số: 19/2022/NQ-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Về việc chào bán chứng quyền có bảo đảm

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Căn cứ:

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
- Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/01/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 03 tháng 11 năm 2022;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc chào bán chứng quyền từ nay đến hết năm 2023 theo chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

Điều 2: Thông qua việc đăng ký lưu ký chứng quyền tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và niêm yết chứng quyền trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Sau khi hoàn thành phân phối chứng quyền, toàn bộ chứng quyền được chấp thuận chào bán sẽ được đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc thực hiện các công việc sau:

- Quyết định triển khai thực hiện chào bán chứng quyền, chào bán bổ sung chứng quyền, và quy định chi tiết việc chào bán chứng quyền đã được thông qua tại Điều 1 Nghị quyết này, bao gồm nhưng không giới hạn ở những việc sau:
 - Lựa chọn thời điểm chào bán thích hợp;
 - Lựa chọn nhà đầu tư mua chứng quyền và số lượng chứng quyền chào bán hoặc phân phối cho mỗi nhà đầu tư;
 - Quyết định tên chứng quyền theo quy định của pháp luật và phù hợp với mỗi loại chứng quyền phát hành;
 - Quyết định thời hạn của chứng quyền, ngày phát hành, ngày giao dịch cuối cùng, ngày đáo hạn;
 - Quyết định giá thực hiện, giá chào bán, số lượng chào bán phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thị trường;
 - Phân phối chứng quyền;

- Thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để việc chào bán chứng quyền đúng quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
 - 2. Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh và thay đổi thông tin đối với từng loại chứng quyền chào bán để phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
 - 3. Phê duyệt và ký các tài liệu, hồ sơ, hợp đồng liên quan đến việc chào bán chứng quyền, bao gồm: Bản cáo bạch, Bản thông báo phát hành, các báo cáo, thông báo chào bán, các tài liệu trong hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền, các hợp đồng với nhà đầu tư và bất kỳ tài liệu cần thiết khác để việc chào bán chứng quyền phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.
 - 4. Quyết định giá trị tài sản bảo đảm, việc lựa chọn ngân hàng lưu ký, và ký hợp đồng, tài liệu với ngân hàng lưu ký để triển khai việc tiếp nhận và ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán theo quy định.
 - 5. Quyết định và thực hiện các thủ tục, ký kết các tài liệu, hồ sơ cần thiết theo quy định để đăng ký lưu ký chứng quyền tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và niêm yết chứng quyền trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, kể cả các hồ sơ thay đổi đăng ký lưu ký hoặc niêm yết (nếu có).
- Điều 4:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Điều 1 Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐQT ngày 20/10/2021 của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận, cá nhân có liên quan của SSI chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- HĐQT, HĐQT, BTGD;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Duy Hưng

PHỤ LỤC: CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM TỪ NAY ĐẾN HẾT NĂM 2023

(Đính kèm Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 03/11/2022)

STT	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Loại chứng quyền	Kiểu thực hiện	Phương thức thực hiện chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành dự kiến	Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Ngày đáo hạn dự kiến	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/cổ phần) (*)	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	Giá chào bán: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/chứng quyền) (*)	Tổng số lượng chào bán dự kiến (Triệu chứng quyền) (*) (**)	Tổng giá trị chào bán trung bình (tỷ VNĐ) (*)	Ngày niêm yết dự kiến
1	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 11.000 đến 53.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 7.000	1-42	1-294	Theo quyết định của HOSE
2	FPT	Công ty Cổ phần FPT	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 38.000 đến 189.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 24.000	1-13	1-312	Theo quyết định của HOSE
3	HDB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 8.000 đến 42.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 5.000	1-25	1-125	Theo quyết định của HOSE
4	HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 9.000 đến 46.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 6.000	1-46	1-276	Theo quyết định của HOSE
5	KDH	Công ty Cổ phần đầu tư và kinh doanh nhà Khang Điền	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 13.000 đến 65.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-6	1-48	Theo quyết định của HOSE

STT	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Loại chứng quyền	Kiểu thực hiện	Phương thức thực hiện chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành dự kiến	Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Ngày đáo hạn dự kiến	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/cổ phần) (*)	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	Giá chào bán: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/chứng quyền) (*)	Tổng số lượng chào bán dự kiến (Triệu chứng quyền) (*) (**)	Tổng giá trị chào bán trung bình (tỷ VNĐ) (*)	Ngày niêm yết dự kiến
6	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 9.000 đến 44.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 6.000	1-36	1-216	Theo quyết định của HOSE
7	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 40.000 đến 200.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 25.000	1-8	1-200	Theo quyết định của HOSE
8	MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 30.000 đến 148.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 19.000	1-15	1-285	Theo quyết định của HOSE
9	NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 38.000 đến 188.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 24.000	1-10	1-240	Theo quyết định của HOSE
10	PDR	CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 25.000 đến 124.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 16.000	1-3	1-48	Theo quyết định của HOSE
11	POW	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 6.000 đến 28.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 4.000	1-6	1-24	Theo quyết định của HOSE

STT	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Loại chứng quyền	Kiểu thực hiện	Phương thức thực hiện chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành dự kiến	Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Ngày đáo hạn dự kiến	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/cổ phần) (*)	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	Giá chào bán: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/chứng quyền) (*)	Tổng số lượng chào bán dự kiến (Triệu chứng quyền) (*) (**)	Tổng giá trị chào bán trung bình (tỷ VNĐ) (*)	Ngày niêm yết dự kiến
12	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 9.000 đến 43.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 5.000	1-27	1-135	Theo quyết định của HOSE
13	TCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 13.000 đến 63.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-32	1-256	Theo quyết định của HOSE
14	TPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 10.000 đến 51.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 6.000	1-11	1-66	Theo quyết định của HOSE
15	VHM	Công ty Cổ phần Vinhomes	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 25.000 đến 125.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 16.000	1-17	1-272	Theo quyết định của HOSE
16	VIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 10.000 đến 51.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 6.000	1-16	1-96	Theo quyết định của HOSE
17	VJC	Công ty Cổ phần Hàng không VIETJET	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 55.000 đến 273.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 34.000	1-3	1-102	Theo quyết định của HOSE

STT	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Loại chứng quyền	Kiểu thực hiện	Phương thức thực hiện chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành dự kiến	Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Ngày đáo hạn dự kiến	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/cổ phần) (*)	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	Giá chào bán: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/chứng quyền) (*)	Tổng số lượng chào bán dự kiến (Triệu chứng quyền) (*) (**)	Tổng giá trị chào bán trung bình (tỷ VNĐ) (*)	Ngày niêm yết dự kiến
18	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 38.000 đến 192.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 24.000	1-10	1-240	Theo quyết định của HOSE
19	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ .8000 đến 40.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 5.000	1-65	1-325	Theo quyết định của HOSE
20	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2023	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Trong Quý 1/2023 đến Quý 4/2025	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 13.000 đến 63.000	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-13	1-104	Theo quyết định của HOSE

(*) Số lượng chào bán và khoảng giá sẽ được điều chỉnh phù hợp với mức tối thiểu hoặc tối đa mà pháp luật, sở giao dịch chứng khoán hoặc cơ quan có thẩm quyền quy định tùy từng thời điểm.

(**) Số lượng chứng quyền tối đa dự kiến chào bán là số lượng chứng quyền tối đa tính quy đổi về tỷ lệ chuyển đổi 1:1.



No. 19/2022/NQ-HĐQT

Ho Chi Minh City, November 03, 2022

**THE RESOLUTION
OF THE BOARD OF DIRECTORS**

Re: The Offering of Covered Warrant

**THE BOARD OF DIRECTORS
SSI SECURITIES CORPORATION**

Pursuant to:

- *The Charter of SSI Securities Corporation;*
- *Resolution No. 01/2018/NQ-DHDCD dated January 12, 2018 of the General Meeting of Shareholders;*
- *Meeting Minutes of the Board of Directors on November 03, 2022;*

RESOLVED:

Article 1: To approve covered warrant offering until the end of 2023 as Appendix attached.

Article 2: To approve registration for warrant depository of at the Vietnam Securities Depository (VSD) and warrant listing at Hochiminh Stock Exchange (HOSE)

Upon completion of distribution, all warrants approved for offering will be registered for depository at VSD and listed on HOSE according to the laws.

Article 3: To authorize the Chairman:

The Board hereby delegates and authorizes the Chairman or CEO:

1. To make decision on implementing the offering and related details to covered warrant (including supplement offering) as approved in the Article 1 of this Resolution, including without limitation to the following criteria:
 - Selecting the appropriate time for offering;
 - Selecting investors and determining quantity of warrants to be distributed to each investor;
 - Deciding warrant name in compliance with the laws and suitable to each kind of issued warrant;
 - Deciding warrant period, issuing date, last trading date, maturity date;
 - Deciding exercise price/strike price, offering price, and offering quantity in compliance with the laws and market conditions;
 - Warrant distribution;
 - Performing all necessary procedures for warrant offering to comply with the laws and regulations, and requirements from competent authorities.

2. To make decision on any amendments, supplements, completion and changes of information of each type of offered warrant in conformity with the laws and regulations, and requirements from competent authorities.
3. To make approval and sign-off all documents, profiles, contracts relating to warrant offering, including: Prospectus, Offering Announcement, reports, notices of offer, all documents required in the application file, contracts with the investors and any necessary documents for the warrant offering to comply with prevailing laws and regulations.
4. To make decision on collateral value, selecting depository banks, and sign-off contracts and documents with selected depository banks for receipt and depository of collaterals for payment by the laws and regulations.
5. Decision and implementation of all procedures, sign-off all necessary documents, profiles as required by the laws and regulations to register for warrant depository at Vietnam Securities Depository and listing on Hochiminh Stock Exchange (including dossier for adjustment, if any).

Article 4: This Resolution takes effect from the signing date and replace the Article 1 Resolution No. 22/2021/NQ-HĐQT dated October 20, 2021 of the Board of Directors. Members of the Board of Directors, members of the Board of Management, related departments and individuals of SSI shall take responsibility for implementation of this Resolution.

Recipients:

- Article 4;
- BOD, BOI, BOM;
- For archives.



ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS

THE CHAIRMAN

NGUYEN DUY HUNG

APPENDIX: COVERED WARRANT OFFERING FROM NOW UNTIL THE END OF 2023

(Attached to Resolution No. 19/2022/NQ-HDQT of the Board of Directors dated November 03, 2022)

	Underlying stock ticker	Underlying stock issuer	Warrant type	Warrant form	Settlement method	Warrant period	Estimated Issuing date	Estimated Last trading date	Maturity date	Conversion ratio	Estimated Strike price (VND/share) (*)	Estimated value of the collaterals for payment	Estimated Offering price (VND/warrant) (*)	Estimated Total quantity (warrant Mil) (*) (**)	Estimated Average Total value (VND Mil) (*)	Estimated Listing Date
1	ACB	Asia Commercial Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 11.000 to 53.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 7.000	1-42	1-294	Subject to HOSE decision
2	FPT	FPT Corporation	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 38.000 to 189.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 24.000	1-13	1-312	Subject to HOSE decision
3	HDB	Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 8.000 to 42.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 5.000	1-25	1-125	Subject to HOSE decision
4	HPG	Hoa Phat Group Joint Stock Company	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 9.000 to 46.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 6.000	1-46	1-276	Subject to HOSE decision
5	KDH	Khang Dien House Trading and Investment Joint Stock Company	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 13.000 to 65.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 8.000	1-6	1-48	Subject to HOSE decision



	Underlying stock ticker	Underlying stock issuer	Warrant type	Warrant form	Settlement method	Warrant period	Estimated Issuing date	Estimated Last trading date	Maturity date	Conversion ratio	Estimated Strike price (VND/share) (*)	Estimated value of the collaterals for payment	Estimated Offering price (VND/warrant) (*)	Estimated Total quantity (warrant Mil) (*) (**)	Estimated Average Total value (VND Mil) (*)	Estimated Listing Date
6	MBB	Military Commercial Joint Stock Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 9.000 to 44.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 6.000	1-36	1-216	Subject to HOSE decision
7	MSN	Masan Group Corporation	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 40.000 to 200.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 25.000	1-8	1-200	Subject to HOSE decision
8	MWG	Mobile World Investment Corporation	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 30.000 to 148.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 19.000	1-15	1-285	Subject to HOSE decision
9	NVL	No Va Land Investment Group Corporation	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 38.000 to 188.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 24.000	1-10	1-240	Subject to HOSE decision
10	PDR	Phat Dat Real Estate Development Corp	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 25.000 to 124.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 16.000	1-3	1-48	Subject to HOSE decision
11	POW	PetroVietnam Power Corporation	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 6.000 to 28.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 4.000	1-6	1-24	Subject to HOSE decision

	Underlying stock ticker	Underlying stock issuer	Warrant type	Warrant form	Settlement method	Warrant period	Estimated Issuing date	Estimated Last trading date	Maturity date	Conversion ratio	Estimated Strike price (VND/share) (*)	Estimated value of the collaterals for payment	Estimated Offering price (VND/warrant) (*)	Estimated Total quantity (warrant Mil) (*) (**)	Estimated Average Total value (VND Mil) (*)	Estimated Listing Date
12	STB	Sai Gon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (Sacombank)	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 9.000 to 43.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 5.000	1-27	1-135	Subject to HOSE decision
13	TCB	Vietnam Technology and Commercial Joint Stock Bank (Techcombank)	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 13.000 to 63.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 8.000	1-32	1-256	Subject to HOSE decision
14	TPB	Tien Phong Commercial Joint Stock Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 10.000 to 51.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 6.000	1-11	1-66	Subject to HOSE decision
15	VHM	Vinhomes Joint Stock Company	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 25.000 to 125.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 16.000	1-17	1-272	Subject to HOSE decision
16	VIB	Vietnam International Commercial Joint Stock Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 10.000 to 51.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 6.000	1-16	1-96	Subject to HOSE decision



	Underlying stock ticker	Underlying stock issuer	Warrant type	Warrant form	Settlement method	Warrant period	Estimated Issuing date	Estimated Last trading date	Maturity date	Conversion ratio	Estimated Strike price (VND/share) (*)	Estimated value of the collaterals for payment	Estimated Offering price (VND/warrant) (*)	Estimated Total quantity (warrant Mil) (*) (**)	Estimated Average Total value (VND Mil) (*)	Estimated Listing Date
17	VJC	VIETJET Aviation Joint Stock Company	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 55.000 to 273.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 34.000	1-3	1-102	Subject to HOSE decision
18	VNM	Vietnam Dairy Products Joint Stock Company (Vinamilk)	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 38.000 to 192.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 24.000	1-10	1-240	Subject to HOSE decision
19	VPB	Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Private Enterprises (VPBank)	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 8.000 to 40.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 5.000	1-65	1-325	Subject to HOSE decision
20	VRE	Vincom Retail Joint Stock Company	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2023	In Q1/2023 to Q4/2025	In Q1/2023 to Q4/2025	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 13.000 to 63.000	50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 8.000	1-13	1-104	Subject to HOSE decision

(*) Amount and price range will be adjusted in accordance with minimum or maximum level as required by laws, regulations, stock exchanges or competent authority from time to time.

(**) The maximum number of warrants estimated offering is the maximum number of warrants redeemable in terms of 1:1 conversion ratio.